

Số: /BC-BQL

Vạn Linh, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Ngay từ đầu năm BCĐ, BQL xây dựng nông thôn mới xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể, phân công nhiệm vụ thực hiện theo Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 02/01/2024 của BQL xây dựng nông thôn mới xã Vạn Linh.

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt ngay từ những ngày đầu năm các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Hội đồng nhân dân huyện và Quyết định của UBND huyện về những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của xã năm 2024. Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định của UBND xã về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2024.

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân được chú trọng, Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân các thôn trên địa bàn xã hưởng ứng ba chương trình mục tiêu quốc gia. Việc tuyên truyền được thực hiện thông qua các cuộc họp giao ban của UBND xã, cuộc họp thôn, phát trên loa truyền thanh của xã. Thông qua công tác tuyên truyền nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng ba chương trình mục tiêu quốc gia, huy động tối đa các nguồn lực trong nhân dân với sự hỗ trợ có hiệu quả của nhà nước để phục vụ lợi ích của người dân; Qua tuyên truyền, vận động các hộ dân trên địa bàn xã đều đồng tình ủng hộ và hưởng ứng Chương trình xây dựng nông thôn mới được thể hiện qua các công việc cụ thể như: Hiến đất, đóng góp kinh phí làm đường giao thông nông thôn, các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng thôn, thủy lợi... Các doanh nghiệp, con em làm ăn xa quê hương đã có nhiều đóng góp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do UBND huyện Chi Lăng phát động, UBND xã Vạn Linh đã phát động phong trào thi đua đến toàn thể cán bộ, Đảng viên và các thôn trong toàn xã về xây dựng nông thôn mới:

2. Bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình:

Công tác kiện toàn BCD, BQL xây dựng nông thôn mới xã luôn được kiện toàn kịp thời đảm bảo cho công tác chỉ đạo, quản lý và thực hiện các nhiệm vụ, chủ trương trong xây dựng nông thôn mới xã, có phân công, giao việc cụ thể cho các thành viên trong BCD, BQL.

3. Kết quả thực hiện

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới của xã đã tổ chức tuyên truyền, định hướng thực hiện và nắm bắt tâm tư nguyện vọng của Nhân dân, ngoài ra Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tổ chức lồng ghép tuyên truyền đến tất cả hội viên, đoàn viên để hiểu rõ và thực hiện với trên 1.338 người tham gia (tuyên truyền nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, chương trình thực hiện làm đường bê tông, tuyên truyền nhân dân tích cực tham gia các cuộc thực hiện ngày ”Ra quân đầu xuân” phát triển kinh tế hộ gia đình...

Qua việc thực hiện tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tích cực trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới về tất cả các lĩnh vực nhân dân đã tích cực tham gia như phát triển kinh tế hộ gia đình, tích cực tham gia góp công, kinh phí làm đường bê tông, các công trình phúc lợi, làm môi trường... được đánh giá là có hiệu quả:

3.1. Lĩnh vực phát triển kinh tế

- Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất nông lâm nghiệp năm 2024; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân tiến hành sản xuất và thu hoạch cây trồng vụ Đông, làm đất và chuẩn bị gieo trồng cây trồng vụ Xuân năm 2024. Tổng diện tích gieo trồng đến ngày 08/5/2024 đạt 765,2 ha, đạt 57,1% kế hoạch năm, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 đạt 771,54 ha, bằng 58% so với kế hoạch, tăng 0,2% so với cùng kỳ

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống, cây trồng, vật tư, phân bón đảm bảo có địa chỉ xuất xứ rõ ràng, chất lượng tốt đáp ứng phục vụ cho Nhân dân sản xuất. Chỉ đạo các thôn hướng dẫn Nhân dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng và tiếp tục thực hiện các mô hình; Chỉ đạo tổ chức thực hiện trồng rừng năm 2024 theo kế hoạch, trồng mới được 23,95 ha, bằng 120% so với kế hoạch, bằng 186% so với cùng kỳ, chủ yếu là trồng cây bạch đàn, cây sưa...; trồng mới được 71,2 ha cây ăn quả, đạt 204% kế hoạch, bằng 222% so với cùng kỳ, tập trung vào một số loài cây chính như: Na, đào, Mắc Ca, cây có múi,... Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn được duy trì: đàn trâu hiện có 1.418 con, đàn bò có 1.025 con, đàn lợn có 1.725 con, đàn ngựa 29 con, đàn dê 100 con, đàn gia cầm trên 65 nghìn con. Công tác tiêm phòng dịch bệnh cho đàn vật nuôi, công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y gia súc, gia cầm trên địa bàn tiếp tục được tăng cường.

Tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp ổn định. Một số sản phẩm chủ yếu: Vật liệu xây dựng; sản xuất cao khô...

3.2. Lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng

Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn được chú trọng; quản lý hành lang an toàn giao thông tiếp tục được quan tâm giám sát thường xuyên, xây dựng kế hoạch chi tiết năm 2024 và ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện. Thực hiện thường xuyên khoán quản lý đường trục xã 22,5km; cắt tía thường xuyên hàng rào cây xanh (cây chuối ngọc) được 1900m.

Phong trào làm cầu, đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh, huy động được sự vào cuộc, đóng góp của người dân. Trong 6 tháng đầu năm đã phối hợp với phòng ban chuyên môn của huyện cung ứng được 181 tấn xi măng, làm được 940 m đường bê tông các loại, nạo vét, phát quang, nạo vét kênh mương thủy lợi được 13,6 km, sửa chữa, san lấp mặt đường được 950m, lấp đặt được 12m cống, người dân hiến 465,8m² đất, huy động kinh phí trên 3,1 tỷ đồng.

3.3. Văn hoá - xã hội - Y tế

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác dạy và học theo chương trình, kế hoạch. Tổ chức theo khung kế hoạch thời gian năm học, tổ chức tổng kết năm học 2023-2024. Phổ cập giáo dục Tiểu học duy trì mức độ 3; Toàn xã Vạn Linh đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, phấn đấu năm 2024 đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

- Xã thường xuyên tổ chức rà soát, nắm chắc tình hình đời sống của Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo để có biện pháp hỗ trợ giúp người dân thoát nghèo. Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024; các chính sách dân tộc, các mô hình giảm nghèo và kế hoạch thực hiện các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác lao động việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo bền vững tiếp tục được quan tâm thực hiện. Thực hiện tốt công tác dân tộc và các chính sách dân tộc. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,2%. UBND xã đang thực hiện triển khai nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 với tổng nguồn kinh phí là 260 triệu đồng tại Quyết định số 5510/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng về việc giao mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu

tư công và kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 của huyện Chi Lăng.

c) Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

Tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, tuyên truyền các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân Giáp Thìn năm 2024, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống pháo nổ, an toàn giao thông. Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động mừng Đảng - mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024. Tổ chức thành công giải bóng đá nam, nữ mừng Đảng, mừng xuân Giáp Thìn năm 2024. Tổ chức thành công Lễ hội truyền thống xã Vạn Linh (ngày 02/02 âm lịch) với nhiều hình thức và nội dung phong phú đảm bảo tiết kiệm, đoàn kết, an toàn, hiệu quả, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, lành mạnh trong những ngày đầu xuân.

3.4. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được duy trì ổn định. Thường xuyên tuần tra nắm chắc tình hình chủ động xử trí trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ công tác năm 2024.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*”.

Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

*** Thuận lợi:**

- Năm 2024 được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của BCD, BQL xây dựng nông thôn mới xã đã tập chung thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra như về phát triển kinh tế - xã hội, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới: trọng tâm là xây dựng đường bê tông giao thông nông thôn, giảm nghèo, bảo hiểm y tế, môi trường...

- Các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền và xuống cơ sở để hướng dẫn các hộ gia đình thực hiện các tiêu chí đặc biệt là tiêu chí môi trường và xây dựng khu dân cư ...

- Người dân trên địa bàn xã đã tích cực hơn trong công tác tham gia phát triển kinh tế, đồng tình tham gia các chủ chương, chính sách, huy động vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, hiến đất...

*** Khó khăn:**

- Một số ít người dân vẫn chưa thực sự đồng tình tham gia, vẫn chông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Điều kiện kinh tế người dân không đồng đều, việc huy động các nguồn lực từ người dân vẫn còn hạn chế.

- Đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp chưa ổn định, chưa có nhiều mô hình phát triển kinh tế có liên kết, gây nên tâm lý e ngại cho người dân trong việc

chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, rủi ro cao do nguyên nhân dịch bệnh, điều kiện thời tiết không thuận lợi...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM:

Số tiêu chí đạt chuẩn, đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu.

1.1 Số tiêu chí đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM: Đạt 19/19 tiêu chí.

1.2. Số tiêu chí đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM nâng cao Đạt 12/19 tiêu chí.

- Số tiêu chí đạt: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 15, 16, 18, 19.

- Số tiêu chí chưa đạt: 2, 10, 12, 13, 14, 17.

1.3. Duy trì 03 khu dân cư kiểu mẫu.

4. Kết quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

UBND xã đang thực hiện triển khai nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 với tổng nguồn kinh phí là 260 triệu đồng tại Quyết định số 5510/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng về việc giao mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu tư công và kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 của huyện Chi Lăng. Ngoài ra trên địa bàn xã đã huy động sự đóng góp của nhân dân tham gia vào phong trào XDNT trên địa bàn xã: Trên 3,7 tỷ đồng. (Huy động đóng góp mua vật liệu làm đường bê tông giao thông nông thôn, phát triển kinh tế, cải tạo sân chơi, các khoản huy động khác...).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã tập trung tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo chỉ đạo của huyện về các chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nền kinh tế - xã hội của xã được duy trì, sản xuất nông lâm nghiệp cơ bản đạt tiến độ kế hoạch; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; các chính sách an sinh - xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác thanh tra kiểm tra, giám sát được tăng cường; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, không xảy ra vụ việc phức tạp, các mục tiêu, địa bàn trọng yếu được bảo vệ tuyệt đối an toàn; trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức ngày được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của xã.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Tình hình kinh tế - xã hội của xã gặp nhiều khó khăn, tình hình trật tự an toàn giao thông, tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Các vụ việc mâu thuẫn còn có nguy cơ tiềm ẩn, việc tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ được giao tại một số bộ phận còn chậm tiến độ, kết quả đạt được chưa cao. Trong thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia, các hình thức tổ

chức phát triển sản xuất chưa nhiều; chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế, vẫn còn trông chờ, ỷ lại, muốn nhà nước đầu tư toàn bộ, tu duy sản xuất còn manh mún, chưa hình thành các vùng chuyên canh lớn.

Môi trường trong một số thôn còn nhiều bất cập, nhất là khâu xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt, vệ sinh đường làng ngõ xóm, việc chỉnh trang nhà cửa gọn gàng chưa được người dân quan tâm thực hiện thường xuyên

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; Tiếp tục duy trì đạt chuẩn và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng NTM và phấn đấu đạt các chỉ tiêu trong xây dựng NTM nâng cao, kết cấu hạ tầng nông thôn được đảm bảo, kính tế, văn hóa xã hội phát triển hơn nữa, an sinh xã hội đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Số tiêu chí đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM:

Phấn đấu đến cuối năm 2024 duy trì đạt 19/19 tiêu chí và nâng cao các chỉ tiêu trong tiêu chí như giao thông, nhà ở dân cư, lao động, tỷ lệ hộ nghèo, BHYT và môi trường.

2.2. Số tiêu chí đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM nâng cao phấn đấu đến cuối năm 2024 đạt 14/19 tiêu chí.

- Phấn đấu đạt tiêu chí số: 14 và nâng cao các chất lượng các chỉ tiêu trong tiêu chí xây dựng NTM nâng cao.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2024, nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn xã Vạn Linh./.

Nơi nhận:

- VPĐP huyện (B/c);
- TT ĐU, HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- CT Ủy ban MTTQ xã;
- Các Đoàn thể xã;
- Lưu: VP.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Lương Văn Hiến

**BIỂU RÀ SOÁT KÈM THEO BÁO CÁO
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG NĂM 2024**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu	Quy định	Mức độ đạt
I	QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	22,5/22,5= 100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%	8,22/8,7=93,73% Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 70%	19,54/27,45=71,1% Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 60%	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	98,04% Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%	1.521/1.521 hộ= 100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	+ Đối với các xã có hơn 3 trường: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥ 70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.	

			+ Đối với các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	13/13=100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 75\%$	1.496/1.521 = 98.4% Đạt
III	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập (<i>Thu nhập bình quân đầu người triệu đồng/năm</i>)	Năm 2021	≥ 36	
		Năm 2022	≥ 39	
		Năm 2023	≥ 42	
		Năm 2024	≥ 45	47,25 tr/năm (số liệu năm 2023)
		Năm 2025	≥ 48	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$< 13\%$	110/1.521=7,23% Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	3.236/3.265=71,24%

		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	1280/3265=39,2%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	≥ 01 Sản phẩm	Đạt (Cao khô Vạn Linh)
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt (SP Cao khô Vạn Linh)
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	71/76 = 93,4% Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	6.284/6.667=94,2% Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	17.63% Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	73% Đạt
16	Văn hóa.	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	70% trở lên trên tổng số thôn	11/13= 84,6% Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn		
			$\geq 30\%$	
		Xã không thuộc khu vực III	($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	
			$\geq 20\%$	
	Xã khu vực III	($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)		

	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	5/5 cơ sở đạt 100%	
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	
	17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	
	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Đạt	
	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	có 29 bê chứa thuốc BVTV tại cánh đồng 13/13 thôn (Đạt)	
	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	1.397/1.521= 91,8% Đạt	
	17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	883/961 = 91,8 % Đạt	
	17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	69/69=100% Đạt	
	17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	521/1.521=34,25% Đạt	
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$	772/1.521=50,75% Đạt	
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt

**BIỂU RÀ SOÁT KÈM THEO BÁO CÁO
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu	Quy định	Mức độ đạt (ghi cụ thể số liệu)
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định		Chưa đạt
		- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm	100%	Đạt
		- Tỷ lệ đường xã có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định.	$\geq 70\%$	Chưa đạt
		- Đường xã có hệ thống chiếu sáng trên tuyến	Có ít nhất 02 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung, nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	13/13=100% Đạt
		- Đường xã có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt)	Có ít nhất 02 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	11/13=84,6% Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		Đạt
		- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	Đạt
		- Tỷ lệ đường thôn, bản và liên thôn, bản có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định	$\geq 70\%$	Chưa đạt

		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có hệ thống chiếu sáng trên tuyến.	Có ít nhất 03 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung, nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	Đạt
		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt)	Có ít nhất 03 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 85\%$	71,8% Chưa đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 80\%$	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Đạt 98,04%
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 15\%$	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	1.521/1.521 hộ= 100%
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại	Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt

6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên		
			Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi. Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại	Trên 50%	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Chưa đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 90\%$	$1.496/1.521 = 98.4\%$ Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021 ≥ 43		
			Năm 2022 ≥ 47		
			Năm 2023 ≥ 51		
			Năm 2024 ≥ 55	47,25 tr/năm số liệu năm 2023) Chưa đạt	
			Năm 2025 ≥ 59		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$< 8\%$	$110/1.521=7,23\%$ Đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	$1.944/3.326=58,44\%$ Chưa đạt	

		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	58,44% Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\leq 47\%$	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Có 3 HTX Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Đạt (Cao Khô Vạn Linh)
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1	SX Cao Khô Vạn Linh
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 01 sản phẩm	SX Cao Khô Vạn Linh
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$.	Chưa đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Chưa đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Chưa đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 01 mô hình	Chưa đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	6.284/6.667=94,2% Chưa đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Chưa đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Chưa đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	73% Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 50%	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Đạt

		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Chưa phát sinh vụ việc: Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	100%
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	5/5 cơ sở đạt 100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	Chưa đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 25\%$	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	521/1.521=34,25% Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	113/1448=7,8% Chưa đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	772/1.521=50,75% Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III $\geq 35\%$	
			Xã khu vực III $\geq 25\%$	
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III ≥ 60 lít	
			Xã khu vực III ≥ 40 lít	

		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III $\geq 25\%$	
			Xã khu vực III $\geq 20\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	69/69=100% Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80\%$	1.397/1.521= 91,8% Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%
		19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân
19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt			Đạt